

# KẸ GỖ

Tiêu chí : A1, A2 & A3

**Tỉnh:** Hà Tĩnh  
**Tình trạng bảo vệ:** Khu Bảo tồn Thiên nhiên

**Vĩ độ:** 18°05'N  
**Kinh độ:** 105°59'E  
**Diện tích:** 24.801 ha  
**Độ cao:** 50-497 m so với mặt biển

**VCĐH / PVCĐH:**  
 VCĐH Đất thấp Trung Bộ  
**Cánh quan ưu tiên:**  
 NA5 - Đất thấp Kẻ Gỗ và Khe Nét



## Mô tả chung

VCQT này bao gồm Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ nằm ở vùng đất thấp Trung Bộ. Địa hình của VCQT ưu thế bởi một dãy núi thấp hơi nhấp nhô với độ cao chủ yếu không quá 300m so với mặt biển, vùng núi này trước đây vốn là một vùng rừng thường xanh trên đất thấp rộng lớn. Hầu hết các khu rừng thường xanh đất thấp ở khu vực này đã bị khai thác ở các mức độ khác nhau, các khu vực rừng nguyên sinh hầu như không còn. Ngoài ra, VCQT này còn bao gồm hồ Kẻ Gỗ là một hồ chứa nước nhân tạo. Về phía nam, VCQT Kẻ Gỗ tiếp giáp với VCQT Khe Nét của tỉnh Quảng Bình<sup>1</sup>.

## Khu hệ chim: Những nét chính

VCQT Kẻ Gỗ nằm trong Vùng Chim Đặc hữu (VCĐH) Đất thấp Trung Bộ và là nơi sinh sống của các quần thể của năm loài chim có vùng phân bố hẹp là Gà lôi lam đuôi trắng *Lophura hatinhensis*, Gà lôi lam mào đen *L. imperialis*, Trĩ sao *Rheinardia ocellata*, Khướu mỏ dài *Jabouilleia danjoui* và Chích chạch má xám *Macronous kelleyi*. Một trong những điểm đáng chú ý nhất là VCQT Kẻ Gỗ cùng với VCQT Khe Nét ở ngay sát nó về phía nam là nơi duy nhất trên thế giới được xác định là còn có một quần thể Gà lôi lam đuôi trắng sinh sống.

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Gà lôi lam đuôi trắng <i>Lophura hatinhensis</i>	A1, A2	EN	1	Mẫu chuẩn của loài này đã được thu tại Kẻ Gỗ vào năm 1964. Vào đầu những năm 1990, một con trống đã bị bẫy ở phía tây bắc thị trấn Cát Bìn, và thêm 11 con trống và hai con mái nữa đã bị bẫy ở vùng rừng cách thị trấn khoảng 12km về phía tây. Ngoài ra, vào tháng 1/1997 dân đi thu hái song mây đã bắt được một con trống ở vùng Rào Cái <sup>2</sup> .
†Ngan cánh trắng <i>Cairina scutulata</i>	A1	EN	2	Một đôi và sau đó là một cá thể được ghi nhận ở vùng hồ Kẻ Gỗ vào tháng 5/1993 <sup>3</sup> . Ghi nhận gần đây nhất là tại Rào Cái vào năm 2001 (Nguyễn Cử <i>per. comm.</i> ).
Trĩ sao <i>Rheinardia ocellata</i>	A1, A2	VU	15	Năm 1994, thường xuyên nghe thấy tiếng kêu của loài này, một cá thể được quan sát ở vùng rừng tốt trên đỉnh giồng <sup>4</sup> .
Gà song ngực gụ <i>Arborophila charltonii</i>	A1	NT	7	Ba cá thể đã sập bẫy trong tuyến bẫy đặt gần hồ Kẻ Gỗ vào năm 1994 <sup>4</sup> . Loài này cũng được ghi nhận trong khoảng từ tháng 4-8/1995 <sup>2</sup> .
Gà lôi hồng tía <i>Lophura diardi</i>	A1, A3	NT	13	Loài này được ghi nhận trong khoảng tháng 4-8/1995 <sup>2</sup> .
Gỗ kiến xanh cổ đỏ <i>Picus rabieri</i>	A1, A3	NT	11	Loài này được ghi nhận vào năm 1994, loài này được xác định là 'tương đối phổ biến' tại Kẻ Gỗ <sup>4</sup> .
Hồng hoàng <i>Buceros bicornis</i>	A1	NT	13	Loài này được quan sát ở hồ Kẻ Gỗ vào tháng 6-7/1994 <sup>4</sup>
Niệc nâu <i>Anorrhinus tickelli</i>	A1, A3	NT	16	Loài này được ghi nhận vào năm 1994 <sup>4</sup> .
Bông chanh rừng <i>Alcedo hercules</i>	A1, A3	NT	8	Loài này được ghi nhận dọc theo suối ven rừng vào năm 1994 <sup>4</sup> .
Điều cá bé <i>Ichthyophaga humilis</i>	A1	NT	6	Một con được ghi nhận vào tháng 6/1995 <sup>2</sup> .
Điều cá đầu xám <i>Ichthyophaga ichthyaetus</i>	A1	NT	8	Loài này được ghi nhận ở Kẻ Gỗ trong thời gian từ tháng 4-8/1995 <sup>2</sup> .

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Khướu mỏ dài <i>Jabouilleia danjoui</i>	A1, A2	NT	17	Năm 1994, loài này được quan sát ở một vùng rừng cây cao mới bị khai thác chọn bên ngoài lưu vực của hồ Kẻ Gỗ, loài này có lẽ tương đối hiếm ở VCQT Kẻ Gỗ <sup>4</sup> .
Gà lôi lam mào đen <i>Lophura imperialis</i>	A1, A2	DD	2	Tháng 2/1990, một con trống non bị dân khai thác song mây bắt ở vùng cách Cát Bìn khoảng 12km về phía tây <sup>5</sup> . Vị trí thu mẫu không được xác định chính xác, có lẽ ở vùng giáp ranh giữa VCQT Kẻ Gỗ và VCQT Khe Nét.
Chích chạch má xám <i>Macronous kelleyi</i>	A2		12	Năm 1994, loài này được quan sát ở một vùng rừng cây cao mới bị chặt chọn bên ngoài lưu vực của hồ Kẻ Gỗ <sup>4</sup> .

† = chưa khẳng định thường xuyên phân bố với số lượng đáng kể.

**Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học:** Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do là nơi phân bố của 27 loài có vùng phân bố hạn chế trong vùng địa sinh học Rừng á nhiệt đới Trung Quốc-Himalaya (Biome 08) và 20 loài phân bố hạn chế trong vùng địa sinh học Rừng ẩm nhiệt đới Đông Dương (Biome 09). Xem Phụ lục 4 để biết chi tiết.

### Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn

Loài	tình trạng	Loài	tình trạng
[Cu li lớn <i>Nycticebus bengalensis</i> ] <sup>2</sup>	DD	Rùa cổ sọc <i>Ocadia sinensis</i> <sup>6</sup>	EN
Khỉ đuôi lợn <i>Macaca leonina</i> <sup>2</sup>	VU	Rùa sa nhân <i>Pyxidea mouhotii</i> <sup>6</sup>	EN
[Khỉ mốc <i>Macaca assamensis</i> ] <sup>2</sup>	VU	Rùa bốn mắt <i>Sacalia quadriocellata</i> <sup>6</sup>	EN
[Khỉ vàng <i>Macaca mulatta</i> ] <sup>2</sup>	NT	Rùa núi vàng <i>Indotestudo elongata</i> <sup>6</sup>	EN
Khỉ mặt đỏ <i>Macaca arctoides</i> <sup>2</sup>	VU	Ba ba gai <i>Palea steindachneri</i> <sup>6</sup>	EN
[Vọc vá chân nâu <i>Pygathrix nemaeus nemaeus</i> ] <sup>2</sup>	EN	Ba ba trơn <i>Pelodiscus sinensis</i> <sup>6</sup>	VU
Vượn đen má trắng <i>Nomascus leucogenys</i> <sup>2</sup>	DD	Thông tre lá ngắn <i>Podocarpus neriifolius</i> <sup>2</sup>	DD
Rùa đầu to <i>Platysternon megacephalum</i> <sup>6</sup>	EN	† Voi châu Á <i>Elephas maximus</i> <sup>2</sup>	EN
Rùa hộp trán vàng <i>Cuora galbinifrons</i> <sup>6</sup>	CR	[Bò tót <i>Bos gaurus</i> ] <sup>2</sup>	VU
Rùa đất Sêpôn <i>Cyclenys dentata</i> <sup>6</sup>	NT	[Sơn dương <i>Naemorhedus sumatraensis</i> ] <sup>2</sup>	VU
Rùa cằm <i>Mauremys mutica</i> <sup>6</sup>	EN		

Ghi chú: [ ] = ghi nhận chưa được kiểm chứng. † = được coi là đã tuyệt chủng tại khu vực<sup>2</sup>.

### Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học

Hầu hết người dân sống ở vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên là người Kinh. Phần lớn các hộ gia đình sống ở vùng đệm trước đây đều chỉ có nguồn thu nhập bổ sung từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khu bảo tồn. Việc khai thác tinh dầu re vàng là một trong những mối đe dọa nghiêm trọng đối với tính đa dạng sinh học tại Kẻ Gỗ do việc chế biến tinh dầu sử dụng rất nhiều gỗ củi. Việc khai thác chọn một số loại gỗ trên quy mô nhỏ cũng góp phần làm rừng bị xuống cấp<sup>2</sup>.

Có lẽ mối đe dọa lớn nhất đối với đa dạng sinh học ở Kẻ Gỗ là săn bắn, chủ yếu là đánh bẫy, đây cũng là một hoạt động có vai trò không nhỏ đối với nền kinh tế địa phương. Mặc dù các quần thể chim thú đều đã suy giảm, sức ép săn bắn trong vùng vẫn giữ ở mức cao, một phần để đáp ứng nhu cầu của thị trường động vật hoang dã. Đối với quần thể một số loài chim quan trọng ở Kẻ Gỗ, việc săn bắt bằng các loại bẫy là mối đe dọa nghiêm trọng đến các loài ăn trên mặt đất như Gà lôi lam đuôi trắng hay Trĩ sao<sup>2</sup>.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Săn bắn	• •
Khai thác chọn gỗ, củi	• •
Đánh bắt cá	• •

### Các hoạt động bảo tồn

- Trước khi Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ được thành lập, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Nhân dân huyện Kỳ Anh và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh đã phối hợp thực hiện một dự án bảo vệ vùng Gát Chè Mè ở phía đông của VCQT<sup>1</sup>.
- Kẻ Gỗ được Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập Khu Bảo tồn Thiên nhiên năm 1996 và sau đó, ban quản lý được thành lập năm 1997<sup>1</sup>.
- Năm 1996, với nguồn vốn từ Đại sứ quán Vương quốc Đan Mạch tại Hà Nội, các tổ chức BirdLife và Oxfam UK-Ireland đã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kỳ Anh tiến hành một dự án giáo dục môi trường trong thời gian một năm tại huyện Kỳ Anh<sup>1</sup>.
- Giữa năm 1997 và 1999, với nguồn vốn từ Hội chợ Chim Anh Quốc, BirdLife International đã thực hiện *Dự án Rừng Kẻ Gỗ*, các hoạt động của dự án này bao gồm xây mới 2 trạm gác, cung cấp xe máy và trang thiết bị, tổ chức đào tạo cho cán bộ khu bảo tồn thiên nhiên<sup>1</sup>.

- Năm 1998, với nguồn vốn tài trợ của Chính phủ Hà lan và sự hỗ trợ kỹ thuật của IUCN, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã tiến hành dự án *Sử dụng bền vững các nguồn lâm sản phi gỗ tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ*<sup>1</sup>.
- Năm 2002, BirdLife International, hợp tác với Sở Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Tĩnh đề xuất thực hiện một dự án lồng ghép bảo tồn và phát triển do Chính phủ Đan Mạch tài trợ có tên *Quản lý bền vững Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ*.

### **Kiến nghị**

- Năng lực của Ban Quản lý Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ cần được tăng cường.
- Các quy chế quản lý rừng liên quan đến săn bắn, khai thác gỗ và các lâm sản phi gỗ cần được thực thi một cách hiệu quả.
- Cần xây dựng và thử nghiệm cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng ở vùng đệm của khu bảo tồn.
- Cần thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức trong các cộng đồng địa phương về các giá trị của Kẻ Gỗ và thúc đẩy việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.
- Cần tìm ra cơ hội và cách thức để phối kết hợp công tác quản lý rừng giữa Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ và khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Khe Nét ở tỉnh Quảng Bình.
- Cần xem xét lại tình trạng phân loại của các loài Gà lôi lam đuôi trắng và Gà lôi lam mào đen so điều này sẽ ảnh hưởng nhiều đến tầm quan trọng toàn cầu của VCQT.

### **Tài liệu tham khảo**

1. BirdLife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2001) *Sách thông tin về các khu bảo vệ hiện có và đề xuất tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng.
2. Lê Trọng Trãi, Nguyễn Huy Dũng, Nguyễn Cử, Lê Văn Chảm, Eames, J. C. và Chicoine, G. (1999) *Kế hoạch đầu tư Khu Bảo tồn Thiên nhiên Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*. Hà Nội: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.
3. Eames, J. C. and Tordoff, A. W. (in prep) Recent records and a conservation status review of some threatened and near-threatened bird species in Vietnam.
4. Eames, J. C., Lambert, F. R. and Nguyen Cu (1994) A survey of the Annamese lowlands, Vietnam and its implications for the conservation of Vietnamese and Imperial Pheasants *Lophura hatinhensis* and *L. imperialis*. *Birdlife Conservation International* 4(4): 343-382.
5. Robson, C. R., Eames, J. C., Newman, M., Nguyen Cu and Truong Van La (1990) *Forest bird surveys in Vietnam 1989/90: final report*. Unpublished report to the International Council for Bird Preservation
6. Zeigler, T. (2000) *Studies on the herpetofauna of a lowland humid forest protected area in the south of northern Vietnam*. Unpublished dissertation: Rheinischcn Friedrich-Wilhelms-Universitat Bonn, Germany. (In German).



Gà lôi lam đuôi trắng *Lophura hatinhensis*